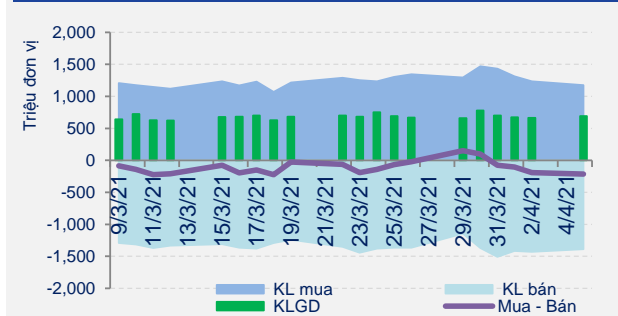
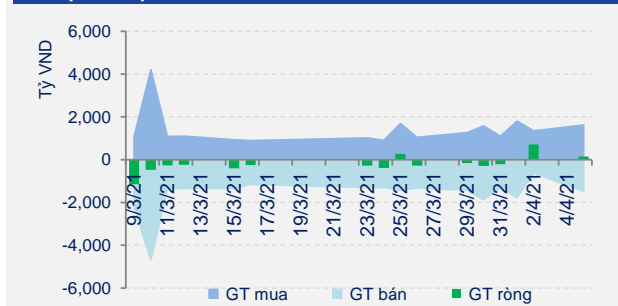


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 5/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,236.05	291.24
% Thay đổi	↑ 0.95%	↓ -1.24%
KLGD (CP)	693,036,071	154,474,884
GTGD (tỷ đồng)	16,815.44	2,452.60
Tổng cung (CP)	1,387,068,600	266,315,000
Tổng cầu (CP)	1,174,695,800	217,807,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	35,631,165	1,870,502
KL mua (CP)	41,482,465	1,021,261
GT mua (tỷ đồng)	1,623.16	14.28
GT bán (tỷ đồng)	1,475.35	33.51
GT ròng (tỷ đồng)	147.81	(19.23)

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.13%	17.3	3.0	1.7%
Công nghiệp	↑ 0.29%	18.6	2.6	10.9%
Dầu khí	↓ -0.99%	-	2.1	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.20%	-	5.3	2.1%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.29%	15.3	2.4	1.0%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.05%	18.5	4.2	10.2%
Ngân hàng	↑ 1.79%	12.4	2.4	30.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.17%	17.4	2.3	11.2%
Tài chính	↑ 0.98%	20.3	3.4	27.2%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.45%	15.2	2.5	2.2%
VN - Index	↑ 0.95%	19.0	3.0	
HNX - Index	↓ -1.24%	19.1	4.1	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ sáu liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 11,6 điểm (+0,95%) lên 1.236,05 điểm; HNX-Index giảm 3,65 điểm (-1,24%) xuống 291,24 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 17.403 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 784 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tích cực với 398 mã tăng, 119 mã tham chiếu, 302 mã giảm. VN-Index bật tăng mạnh mẽ ngay từ đầu phiên sáng với lực mua xuất hiện mạnh ở nhóm cổ phiếu Large Cap, đặc biệt là ở ngành ngân hàng và bất động sản. Tuy nhiên, áp lực chốt lời xuất hiện khi chỉ số tiến gần đến mục tiêu của sóng 5 quanh 1.250 điểm khiến chỉ số thu hẹp sắc xanh sau đó. Sau đó, VN-Index phục hồi nhẹ trở lại và đi ngang trong phiên chiều khi hệ thống đã bị nghẽn. VN-Index có phiên thứ 6 tăng điểm liên tiếp. Sắc xanh tích cực ở VCB (+4,3%) đóng góp hơn 4 điểm vào đà tăng của chỉ số trong phiên giao dịch đầu tuần. Tiếp theo sau là VIC (+1,1%), NVL (+4,3%), VHM (+1%), VIB (+5,1%), CTG (+1,7%)... Ở chiều ngược lại, GAS (-1%), BVH (-1,8%) và PLX (-1,1%) là 3 cổ phiếu dẫn đầu nhóm ảnh hưởng tiêu cực đến chỉ số. Cổ phiếu nhóm ngành ngân hàng thu hút được dòng tiền và tăng mạnh với EIB (+6,9%), NVB (+8,4%), VIB (+5,1%), VCB (+4,3%), NAB (+3,8%), BVB (+3,5%), MBB (+2,7%), STB (+2,4%)...

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường duy trì được đà tăng đến phiên thứ sáu liên tiếp, qua đó giúp chỉ số VN-Index thu hẹp khoảng cách đến mục tiêu của sóng tăng 5 quanh 1.250 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay tiếp tục duy trì trên mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn vào thị trường khá tốt. Điểm tiêu cực trong hai phiên gần đây là việc mẫu hình nền giảm (giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa) cho thấy mặc dù tâm lý hưng khởi nhưng áp lực bán chốt lời vẫn thường trực để thu hẹp mức tăng. Trên góc độ kỹ thuật, thị trường vẫn đang trong sóng tăng 5 với target quanh 1.250 điểm. Trong phiên giao dịch tiếp theo, thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để tiến gần hơn đến mục tiêu của sóng tăng 5 quanh 1.250 điểm. Nhà đầu tư trung hạn tiếp tục nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng VN-Index hoàn tất sóng 5 trong thời gian tới. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào trong phiên 24/3, 25/3, 26/3 khi thị trường điều chỉnh về MA50 và đã chốt lời một phần trong phiên 1/4 nắm giữ danh mục còn lại để hướng đến mục tiêu của sóng 5 quanh 1.250 điểm.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

5/4/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên giao dịch hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên trước áp lực chốt lời gia tăng. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên ngay sau ATO tại 1.245,28 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 11,6 điểm (+0,95%) lên 1.236,05 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 4.200 đồng, VIC tăng 1.300 đồng, NVL tăng 3.500 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 900 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc xanh trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 297,341 điểm. Nhưng từ khoảng 11h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 291,228 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 3,65 điểm (-1,24%) xuống 291,24 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB giảm 2.700 đồng, IDC giảm 900 đồng, HHC giảm 9.000 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB tăng 1.400 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 147,81 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 5,9 triệu cổ phiếu. MSN là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 126,5 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là E1VFN30 với 85,8 tỷ đồng tương ứng với 4,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 178,9 tỷ đồng tương ứng với 4,3 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 19,25 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 849 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 11,9 tỷ đồng tương ứng với 508 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là VND với 6,6 tỷ đồng tương ứng với 200 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, BAX là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,1 tỷ đồng tương ứng với 13 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### Toàn cảnh bức tranh kinh tế Việt Nam quý 1

Bức tranh kinh tế Việt Nam trong quý 1/2021 có nhiều điểm sáng như GDP tăng cao hơn năm trước, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, xuất khẩu tăng cao...

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng trong phiên thứ sáu liên tiếp với khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên vẫn là tương đối tốt.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật hiện tại vẫn là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% của sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% của sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement của 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì thị trường vẫn có khả năng sẽ vượt đỉnh lịch sử trong năm 2021 với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được trong nửa đầu tháng 4/2021.

Xu hướng trung hạn tiếp tục được đánh giá tích cực với việc thị trường đang nằm trong sóng tăng 5 từ cuối tháng 1/2021 đến nay và chưa có dấu hiệu kết thúc (sóng tăng 5 chỉ xác nhận là kết thúc khi nó đạt đến target quanh 1.250 điểm vào nửa đầu tháng 4/2021 hoặc điều chỉnh thủng ngưỡng 1.000 điểm - đáy của sóng điều chỉnh 4). Trong phiên giao dịch tiếp theo, thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để tiến gần hơn đến mục tiêu của sóng tăng 5 quanh 1.250 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.190 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.160 điểm (MA50) là điểm mua tốt cho các vị thế trong ngắn hạn nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về đây. Tuy nhiên, xác suất thị trường điều chỉnh về đây trước khi hoàn tất sóng tăng 5 là khá thấp.



## TIN TRONG NƯỚC

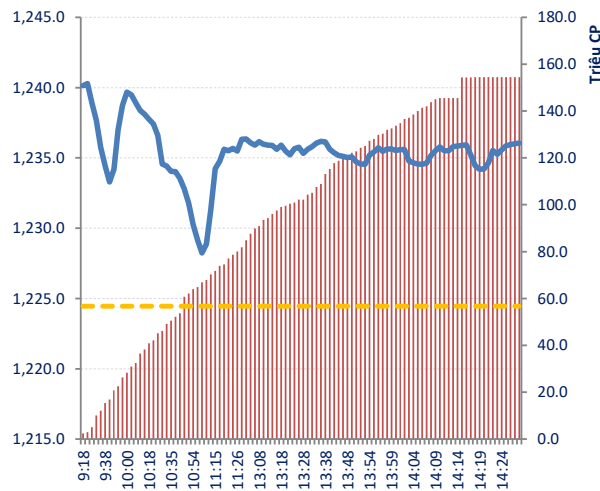
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 54,7 - 55,1 triệu đồng/lượng, giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 350.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 5 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 5/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.236 VND/USD, giảm 5 đồng so với cuối tuần qua.

## TIN QUỐC TẾ

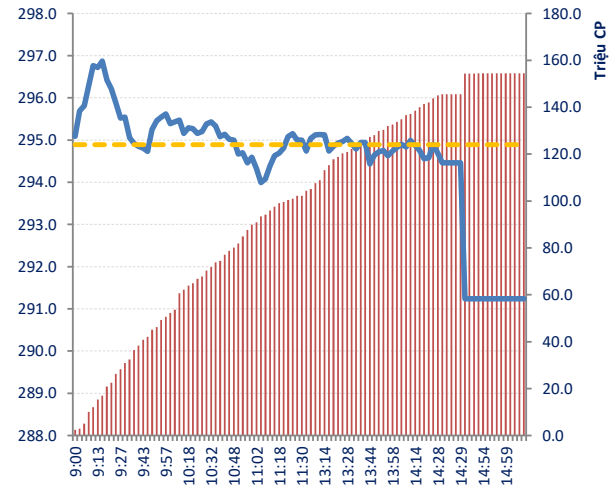
<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,45 USD/ounce tương ứng với 0,2% xuống 1.724,95 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,039 điểm tương ứng 0,04% lên 93,093 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1741 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3857 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 110,62 JPY.
<b>Giá dầu thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 1,19 USD/thùng tương ứng với 1,95% xuống 60,26 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 2/4, chỉ số Dow Jones tăng 171,66 điểm tương ứng 0,52% lên 33.153,21 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 233,24 điểm tương ứng 1,76% lên 13.480,11 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 46,98 điểm tương ứng 1,18% lên 4.019,87 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

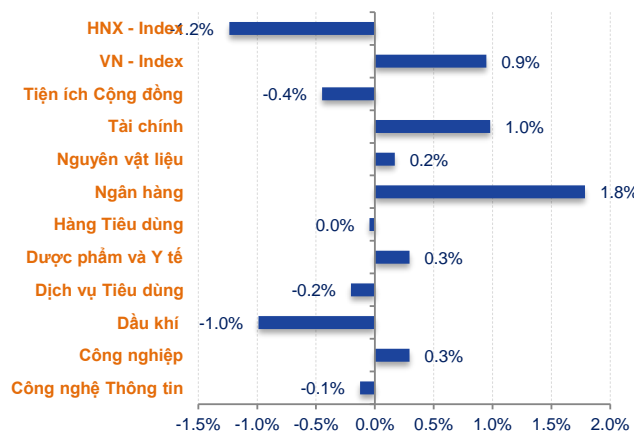
KLGD và VN-Index trong phiên



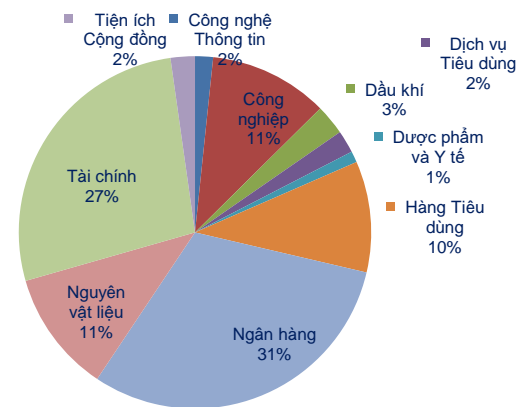
KLGD và HNX-Index trong phiên



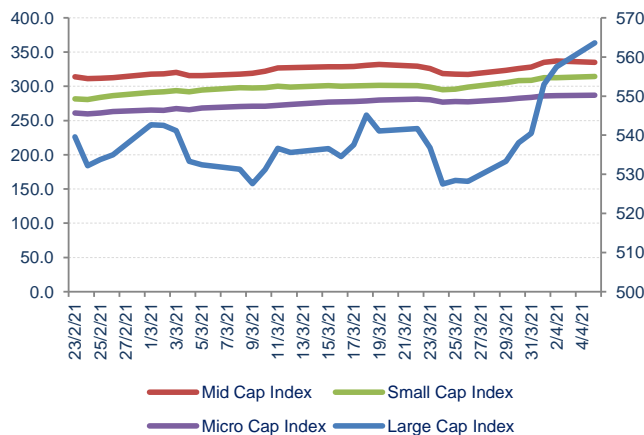
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



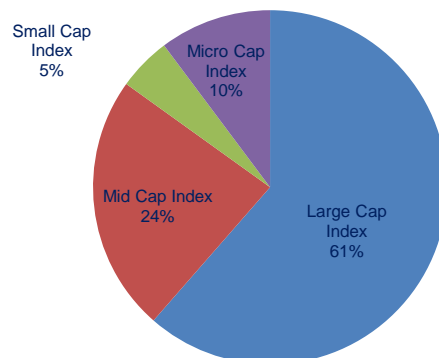
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	E1VFN30	4,079,700	CTG	4,260,900
2	STB	2,092,000	MBB	1,646,900
3	HPG	1,554,100	BID	834,300
4	MSN	1,343,500	HSG	821,100
5	VRE	895,300	DCM	749,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ACM	295,601	PVS	507,700
2	TC6	62,400	ART	309,800
3	VIG	60,500	VND	199,800
4	HUT	58,900	SD4	165,200
5	MBS	41,500	BVS	49,200

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	22.60	23.15	↑ 2.43%	46,663,800
MBB	29.60	30.40	↑ 2.70%	26,587,500
HQC	3.21	3.43	↑ 6.85%	26,010,600
FLC	12.20	12.50	↑ 2.46%	25,924,300
ROS	4.71	4.90	↑ 4.03%	23,785,900

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	27.00	24.30	↓ -10.00%	14,666,431
SHS	31.40	31.40	→ 0.00%	11,711,428
HUT	6.70	7.10	↑ 5.97%	11,069,854
KLF	4.10	4.10	→ 0.00%	8,858,980
PVS	23.60	23.40	↓ -0.85%	7,424,281

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PMG	35.80	38.30	2.50	↑ 6.98%
SC5	19.35	20.70	1.35	↑ 6.98%
TSC	7.18	7.68	0.50	↑ 6.96%
LEC	12.20	13.05	0.85	↑ 6.97%
DPG	34.45	36.85	2.40	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VC6	8.00	8.80	0.80	↑ 10.00%
TC6	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
LM7	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
VND	30.20	33.20	3.00	↑ 9.93%
SPI	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CLW	33.60	31.25	-2.35	↓ -6.99%
HRC	56.00	52.20	-3.80	↓ -6.79%
LAF	17.50	16.50	-1.00	↓ -5.71%
VMD	23.85	22.50	-1.35	↓ -5.66%
PJT	12.75	12.05	-0.70	↓ -5.49%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
L40	43.00	38.00	-5.00	↓ -11.63%
SGC	111.00	99.90	-11.10	↓ -10.00%
SHB	27.00	24.30	-2.70	↓ -10.00%
MCF	14.30	12.90	-1.40	↓ -9.79%
HHC	98.00	89.00	-9.00	↓ -9.18%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	46,663,800	9.6%	1,487	15.2	1.4
MBB	26,587,500	3250.0%	2,984	9.9	1.7
HQC	26,010,600	0.2%	20	159.4	0.4
FLC	25,924,300	1.3%	225	54.2	0.6
ROS	23,785,900	0.0%	2	3,121.7	0.4

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	14,666,431	12.3%	1,552	17.4	2.0
SHS	11,711,428	25.5%	3,639	8.6	2.0
HUT	11,069,854	-7.6%	(875)	-	0.6
KLF	8,858,980	0.1%	13	321.9	0.4
PVS	7,424,281	5.0%	1,357	17.4	0.9

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PMG	↑ 7.0%	0.9%	133	269.2	2.1
SC5	↑ 7.0%	10.1%	2,353	8.2	0.8
TSC	↑ 7.0%	0.9%	114	62.8	0.6
LEC	↑ 7.0%	0.1%	18	671.8	0.9
DPG	↑ 7.0%	14.8%	4,440	7.8	1.1

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VC6	↑ 10.0%	4.4%	621	12.9	0.6
TC6	↑ 10.0%	2.2%	222	22.5	0.5
LM7	↑ 10.0%	-14.0%	(1,109)	-	0.5
VND	↑ 9.9%	19.6%	3,319	-	-
SPI	↑ 9.8%	-9.7%	(922)	-	1.8

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VFVN3	4,079,700	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	2,092,000	9.6%	1,487	15.2	1.4
HPG	1,554,100	25.1%	4,060	12.1	2.7
MSN	1,343,500	3.2%	1,054	88.0	4.4
VRE	895,300	8.5%	1,048	32.3	2.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ACM	295,601	0.0%	2	1,021.1	0.3
TC6	62,400	2.2%	222	22.5	0.5
VIG	60,500	-2.0%	(113)	-	1.1
HUT	58,900	-7.6%	(875)	-	0.6
MBS	41,500	14.4%	1,666	15.0	2.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	416,039	4.3%	1,586	77.5	3.1
VCB	362,728	21.1%	4,975	19.7	3.9
VHM	331,254	35.6%	8,315	12.1	3.7
VNM	214,638	35.0%	5,313	19.3	6.4
BID	180,991	8.9%	1,740	25.9	2.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	69,370	61.8%	8,055	24.6	13.1
SHB	47,264	12.3%	1,552	17.4	2.0
BAB	20,617	7.3%	830	35.1	2.5
VCS	15,760	39.1%	9,064	10.9	4.1
IDC	11,880	7.0%	1,005	39.4	2.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
EVG	2.50	2.6%	277	48.3	1.2
AGR	2.36	4.8%	458	26.8	1.2
BSI	2.35	8.9%	1,047	14.8	1.3
CTS	2.25	9.3%	1,205	14.4	1.3
FIT	2.23	1.4%	222	50.1	0.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	2.98	-2.0%	(113)	-	1.1
WSS	2.72	2.0%	206	36.4	0.7
ART	2.43	0.1%	16	691.8	1.0
TDT	2.33	9.7%	1,127	12.5	1.2
LUT	2.24	0.0%	5	1,317.9	0.6



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---